

MỤC LỤC

I. TÓM TẮT	1
II. GIỚI THIỆU DỰ ÁN	2
2.1. Vấn đề nghiên cứu và lý do chọn đề tài	2
2.2. Mục tiêu dự án	2
2.3. Câu hỏi nghiên cứu	2
2.4. Đối tượng nghiên cứu	3
2.5. Đối tượng và phạm vi khảo sát	3
III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN	3
3.1. Thời gian nghiên cứu	3
3.2. Phương pháp nghiên cứu	3
3.3. Phương pháp thu thập dữ liệu	3
IV. KẾT QUẢ XỬ LÝ VÀ THẢO LUẬN	4
4.1. Đối tượng nghiên cứu	4
4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên	6
V. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THỐNG KÊ KIỂM ĐỊNH	11
VI. HẠN CHẾ	13
6.1. Đối với đề tài	13
6.2. Đối với nhóm	13
VII. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	14
VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO	15
VIII. PHỤ LỤC	15

I. TÓM TẮT

Thống kê, được xem như là một trong những môn học cực kỳ quan trọng và được áp dụng vào thực tế trong cuộc sống rất nhiều. Không những thế, Thống kê được ví như là ‘khoa học về dữ liệu’. Điều này đồng nghĩa với việc nó bao hàm tất cả mọi hoạt động từ lập kế hoạch cho việc thu thập dữ liệu và quản lý dữ liệu cho đến đưa ra suy luận từ dữ liệu và trình bày kết quả. Chính vì điều đó, chúng tôi không muốn bó buộc bản thân ở việc chỉ học hỏi và tìm tòi kiến thức ở trường lớp hay sách vở mà còn muốn sẽ được có thêm những kiến thức và kinh nghiệm thực tế thông qua đề tài: “Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên.”

Bởi vì đại dịch COVID-19 vẫn còn đang hoành hành trên quy mô toàn cầu và thành phố Hồ Chí Minh cũng không phải ngoại lệ, vì thế để đảm bảo sự an toàn về sức khỏe của cá nhân và cộng đồng, chúng tôi đã tiến hành cuộc khảo sát online. Với khoảng thời gian ngắn từ 21/4/2022 đến 26/4/2022, chúng tôi đã thực hiện những bài khảo sát về các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên trên 100 người. Tuy rằng số lượng này còn khá nhỏ, không thể bao quát toàn bộ nhưng chí ít cũng phản ánh được một phần nào về vấn đề này.

Qua những kiến thức chúng tôi đã được cung cấp cũng như quá trình tìm tài liệu tham khảo, môn học này đã góp phần giúp chúng tôi phát triển về tư duy về các vấn đề thực tiễn, sự kỹ lưỡng về các con số nói chung và vận dụng vào quá trình nghiên cứu nói riêng. Và chúng tôi nhận thấy rằng các yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên hiện đang là vấn đề nan giải, vì thế chúng tôi quyết tâm cùng nhau thực hiện dự án “Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên.” nhằm đưa ra những cải tiến và nâng cao chất lượng học tập của sinh viên. Bằng những kiến thức thu thập được từ sách vở, thực tế, chúng tôi vận dụng phương pháp thống kê khảo sát Google Form, phần mềm xử lý số liệu SPSS để có thể đưa ra những kết luận chính xác nhất. Dẫu biết rằng sẽ có rất nhiều khó khăn và hạn chế trước mắt trong việc khảo sát số liệu, các yếu tố không gian và thời gian, nhưng chúng tôi sẽ cố gắng hoàn thành đề tài này một cách tốt nhất.

Để có thể hoàn thành bài luận về đề tài “Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên.” không thể không nói đến sự cố gắng của các thành viên trong nhóm, và không thể không nhắc đến sự giúp đỡ, hỗ trợ tận tình từ thầy cô, bạn bè. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến:

- Ts. Nguyễn Văn Trãi – Giảng viên bộ môn thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh, đã giải đáp những thắc mắc và hỗ trợ tận tình để chúng tôi có thể hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu này.

- Các anh/chị, các bạn sinh viên đã bỏ thời gian thực hiện khảo sát để giúp đỡ nhóm trong quá trình xây dựng bài luận.

II. GIỚI THIỆU DỰ ÁN

2.1. Vấn đề nghiên cứu và lý do chọn đề tài

Với sự vận động và phát triển không ngừng nghỉ của thế giới, nơi mà mỗi ngày sẽ sản sinh ra hàng nghìn điều mới mẻ. Và việc học tập cũng không phải là ngoại lệ, lúc trước các yếu tố tác động đến động lực học tập chỉ là giáo viên, các bạn cùng trang lứa và gia đình. Nhưng ngày nay có hàng chục, hàng nghìn những yếu tố tác động đến động lực học tập khiến chúng ta ngày càng không thể đếm xuể. Đối với thế giới hàng triệu năm qua, việc học tập vẫn đã và đang là vấn đề quan tâm hàng đầu của các nước đã và đang phát triển – đó là nền móng cho sự thịnh vượng của cả quốc gia và thế giới. Vì vậy, vấn đề về các yếu tố tác động đến động lực học tập vẫn đang là một vấn đề nan giải.

Với vấn đề nêu trên, nhóm chúng tôi quyết tâm thực hiện dự án “Các yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên.” Với một sứ mệnh để làm rõ hơn động lực học tập của sinh viên, khát khao được cải tiến và nâng cao chất lượng học tập của sinh viên. Bằng những kiến thức đã được chúng tôi học được, chúng tôi sẽ cố gắng để hoàn thành dự án này một cách tốt nhất.

2.2. Mục tiêu dự án

Nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

Hiểu hơn về mức độ hài lòng của sinh viên với ngôi trường mình đang theo học.

Xác định các yếu tố đóng vai trò chủ yếu tác động đến động lực học tập của sinh viên.

2.3. Câu hỏi nghiên cứu

Bố cục: 2 phần

- Phần 1: Câu hỏi về thông tin cá nhân (3 câu)

Câu 1: Bạn đang là sinh viên trường nào?

Câu 2: Giới tính của bạn là?

Câu 3: Bạn đang là sinh viên năm mấy?

- Phần 2: Câu hỏi phục vụ mục tiêu dự án (4 câu)

Câu 4: Đánh giá của bạn về việc môi trường học tập ảnh hưởng đến động lực học tập.

Câu 5: Đánh giá của bạn về việc yếu tố xã hội ảnh hưởng đến động lực học tập.

Câu 6: Đánh giá của bạn về việc mục tiêu tương lai ảnh hưởng đến động lực học tập.

Câu 7: Bạn đánh giá như thế nào với các phát biểu sau đối với lợi ích của việc hình thành động lực.

2.4. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên nhằm để nâng cao và cải tiến chất lượng học tập của sinh viên.

2.5. Đối tượng và phạm vi khảo sát

a) Đối tượng khảo sát: là những bạn sinh viên đang học tập và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh.

b) Phạm vi khảo sát: Dự án này được khảo sát trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Bởi vì nơi đây là thành phố đi đầu về sự phát triển của công nghệ, xã hội hiện đại ngày nay, điều đó đồng nghĩa với việc sản sinh ra hàng loạt những yếu tố, tác động đến động lực học tập của các bạn sinh viên hiện nay.

III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

3.1. Thời gian nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu và viết báo cáo từ ngày 20/04 – 05/05/2022.

Quá trình nghiên cứu và tìm kiếm tài liệu liên quan bắt đầu từ ngày 21/04/2022.

Quá trình khảo sát được tiến hành từ ngày 21/04 – 26/04/2022.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Các dữ liệu định lượng, định tính được sử dụng trong dự án.

Phương pháp nghiên cứu thống kê mô tả được sử dụng trong dự án.

3.3. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu thứ cấp: Nhóm đã áp dụng các phương pháp phân tích tài liệu từ các tạp chí, sách báo, các bài báo điện tử, các diễn đàn trên internet, ... Có liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến học tập của sinh viên.

Dữ liệu sơ cấp: Thu thập thông qua điều tra bằng bảng câu hỏi khảo sát then Google Form:

- Kích thước mẫu: 100 người.
- Thiết kế bảng câu hỏi trên công cụ Google Form và đăng lên Facebook. Khảo sát được thực hiện đến ngày 26/04/2022 thì dừng lại.

3.4. Phương pháp phân tích dữ liệu

a) Phương pháp thống kê mô tả

Sử dụng các thống kê mô tả như:

- Giá trị trung bình mẫu.

- Min: giá trị nhỏ nhất trong mẫu.
- Max: giá trị lớn nhất trong mẫu.
- Frequency: tần số của từng biểu hiện, tính bằng cách đếm và cộng dồn.
- Percent: tần suất tính theo tỷ lệ %.

b) Phương pháp kiểm định giả thuyết thống kê

Các bước tiến hành:

- Bước 1: đặt giả thuyết H_0 : "giá trị trung bình của biến tổng thể bằng giá trị cho trước".
- Bước 2: lọc ra các trường hợp thỏa mãn các điều kiện (nếu có) của nhóm đối tượng tham gia kiểm định.
- Bước 3: thực hiện kiểm định One- sample T- Test.
- Bước 4: tìm giá trị Sig tương ứng với giá trị T-Test đã tính được.
- Bước 5: so sánh giá trị Sig với giá trị xác suất α
- + Nếu $\text{Sig} > \alpha$ thì chấp nhận giả thuyết H_0 .
- + Nếu $\text{Sig} < \alpha$ thì bác bỏ giả thuyết H_0 .

IV. KẾT QUẢ XỬ LÝ VÀ THẢO LUẬN

Mô tả mẫu nghiên cứu: Bài khảo sát được thực hiện dưới hình thức online trên Google biểu mẫu. Chúng tôi thiết kế cho tất cả các câu hỏi của bài khảo sát là “bắt buộc”, như vậy sẽ không xuất hiện tình trạng người được khảo sát bỏ sót câu hỏi nào.

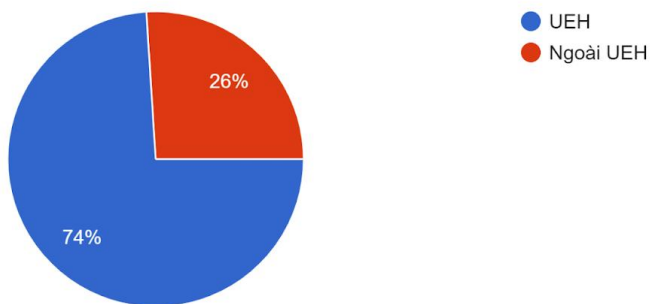
4.1. Đối tượng nghiên cứu

Bảng 1: Phân phối tần số, tần suất, tần suất % thể hiện đối tượng sinh viên khảo sát

	Tần số	Tần suất	Tần suất %
UEH	74	0.74	74
Ngoài UEH	26	0.26	26
Tổng	100	1.0	100.0

Bạn đang là sinh viên trường nào

100 câu trả lời

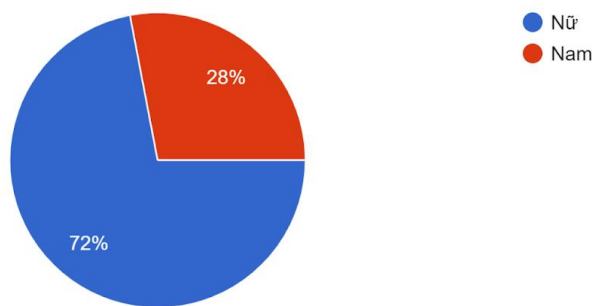


Bảng 2: Phân phối tần số, tần suất, tần suất % thể hiện giới tính

	Tần số	Tần suất	Tần suất %
Nam	28	0.28	28
Nữ	72	0.72	72
Tổng	100	1.0	100.0

Giới tính của bạn là

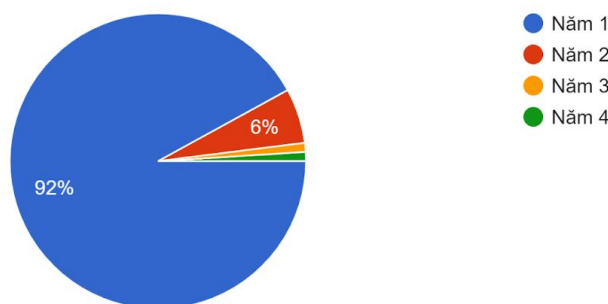
100 câu trả lời



Bảng 3: Phân phối tần số, tần suất, tần suất % thể hiện độ tuổi sinh viên khảo sát

	Tần số	Tần suất	Tần suất %
Năm 1	92	0.92	92
Năm 2	6	0.06	6
Năm 3	1	0.01	1
Năm 4	1	0.01	1
Tổng	100	1.0	100.0

Bạn đang là sinh viên năm mấy
100 câu trả lời



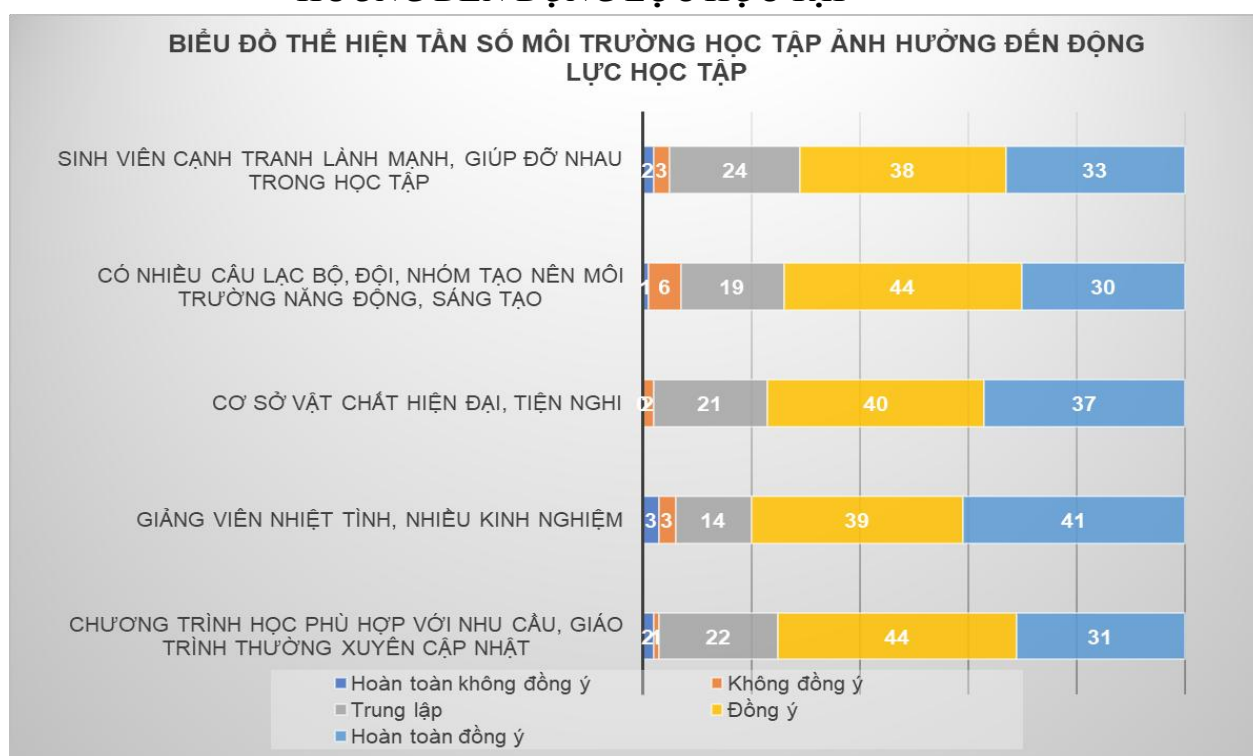
Trong tổng số 100 người được khảo sát thì có đến 74 người chiếm 74% là đến từ trường Đại học UEH, 26 người còn lại tức 26% là từ những trường đại học khác. Như vậy số sinh viên UEH được khảo sát là nhiều nhất trong bài nghiên cứu này. Sở dĩ chúng tôi tiến hành khảo sát trên nhóm đối tượng sinh viên vì đây là nhóm đối tượng sẽ đưa ra ý kiến trực quan nhất về vấn đề “động lực học tập” khi họ vẫn còn đang ngồi trên ghế nhà trường.

Đối tượng được khảo sát là nam có 28 người, chiếm 28%, nữ có 72 người, chiếm 72%. Như vậy, tỷ lệ giới tính nữ được khảo sát chiếm nhiều hơn nam. Ngoài ra từ kết quả thu thập được, bài khảo sát tiếp cận đến bốn lứa tuổi sinh viên từ năm 1 đến năm 4, ta thấy năm một chiếm tỉ lệ cao nhất là 92%.

4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên

Có nhiều yếu tố làm cho môi trường học tập ảnh hưởng đến động lực học tập mà có thể kể đến là: Giảng viên nhiệt tình, nhiều kinh nghiệm; cơ sở vật chất hiện đại, tiện nghi; chương trình học phù hợp với nhu cầu, giáo trình thường xuyên cập nhật.

BIỂU ĐỒ 1: BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TẦN SỐ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘNG LỰC HỌC TẬP



Theo thống kê thu thập thì số người chọn “Hoàn toàn đồng ý” với ý kiến “Giảng viên nhiệt tình, nhiều kinh nghiệm” là nhiều nhất. Trong tổng số 100 người, 41 người “hoàn toàn đồng ý”, 39 người “Đồng ý”, như vậy tổng số ý kiến đồng tình là 80 người (tương đương 80%). Giảng viên với học vị cao, nhiều kinh nghiệm thực tế sẽ luôn được sinh viên ưu tiên. Nhờ có kinh nghiệm thực tế giảng viên sẽ làm cho buổi học trở nên hấp dẫn hơn, sinh viên tập trung vào bài hơn.

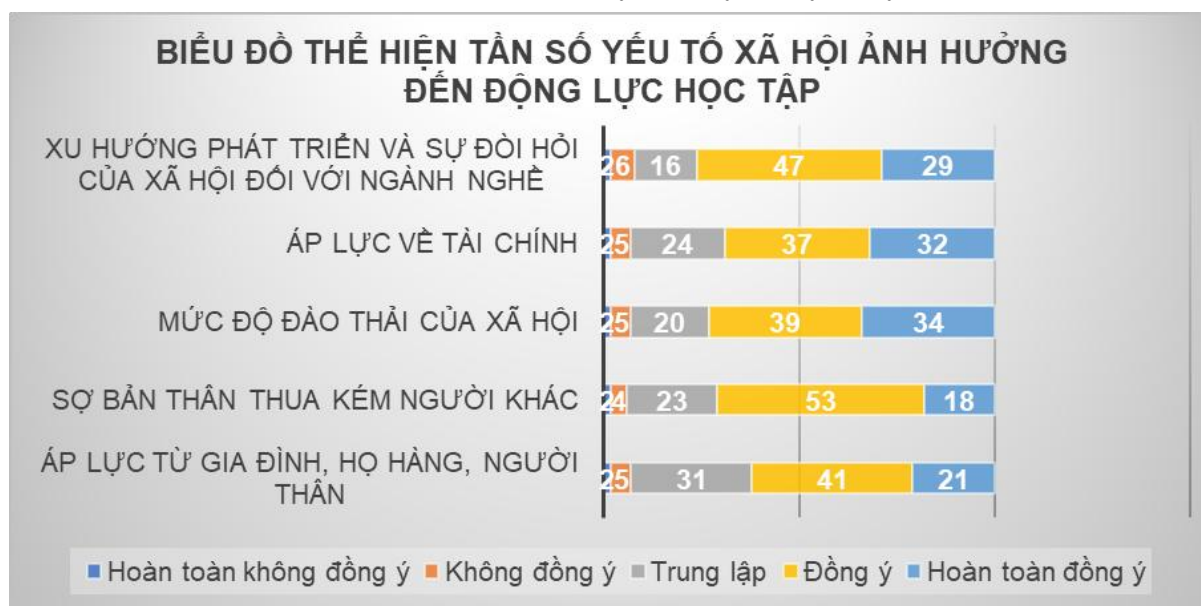
Yếu tố thứ hai được bình chọn là “Cơ sở vật chất hiện đại, tiện nghi”, trong tổng số 100 người với 37 người chọn “Hoàn toàn đồng ý”, 40 người chọn “Đồng ý”, như vậy tổng số ý kiến đồng tình là 77 người (tương đương 77%).

Yếu tố thứ ba là “Chương trình học phù hợp với nhu cầu, giáo trình thường xuyên cập nhật”, trong tổng số 100 người bình chọn có 31 người “Hoàn toàn đồng ý”, 44 người “Đồng ý”, như vậy tổng số người đồng tình 75 người (tương đương 75%).

Hai yếu tố còn lại là “Sinh viên cạnh tranh lành mạnh, giúp đỡ nhau trong học tập” và “Có nhiều câu lạc bộ đội nhóm, tạo nên môi trường năng động sáng tạo” với số ý kiến đồng tình lần lượt là 71% và 74%.

Theo khảo sát số ý kiến “Hoàn toàn không đồng ý” và “Không đồng ý” đều ở mức rất thấp cho thấy rất nhiều sinh viên cho rằng môi trường học tập có ảnh hưởng đến động lực học tập.

**BIỂU ĐỒ 2: BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TẦN SỐ YẾU TỐ XÃ HỘI
ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘNG LỰC HỌC TẬP**



Khảo sát về yếu tố xã hội ảnh hưởng đến động lực học tập, mục “Mức độ đào thải của xã hội” đứng thứ nhất với số người chọn “Hoàn toàn đồng ý” là 34 người (tương đương 34%), 39 người chọn “Đồng ý” (tương đương 39%), tổng số đồng tình là 73 người (tương đương 73%). Học tập để không ngừng cập nhật theo xu hướng mới của xã hội chính vì nếu không như thế sẽ khó tránh khỏi tình trạng đào thải của xã hội.

Mục “Áp lực về tài chính” có 32 người (tương đương 32%) bình chọn “Hoàn toàn đồng ý” như vậy số người đồng tình là 69 người (tương đương 69%).

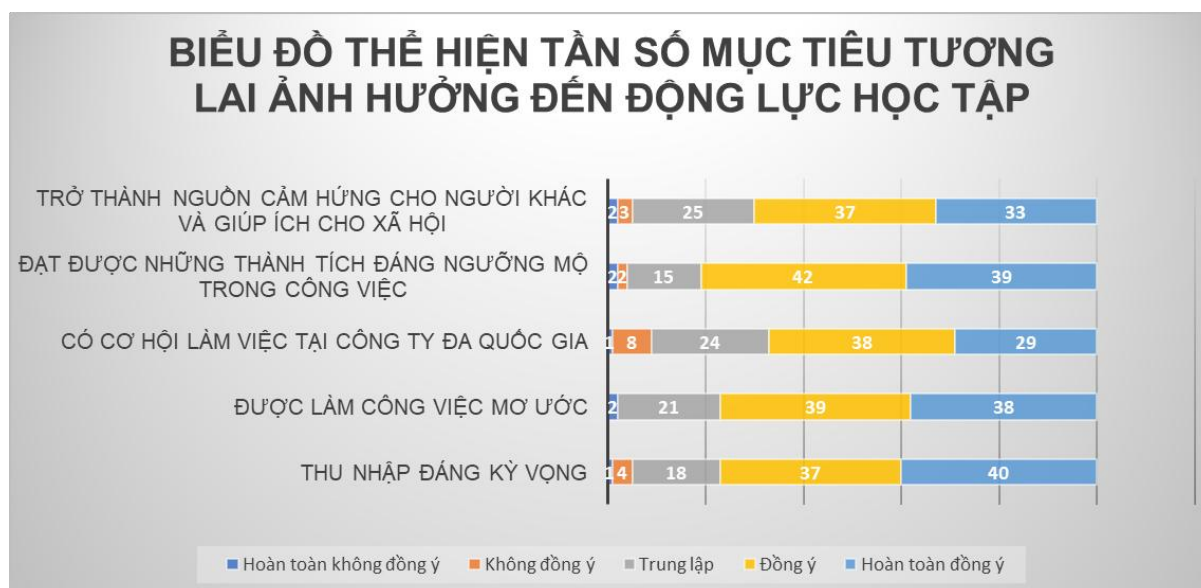
Mục “Xu hướng phát triển và sự đòi hỏi của xã hội đối với ngành nghề” có 29 người bình chọn “Hoàn toàn đồng ý” (tương đương 29%), số người bình chọn “Đồng ý” là 47 người (tương đương 47%), đứng đầu với số người đồng tình là 76 người (tương đương 76%).

Mục “Sợ bản thân thua kém người khác” có 53 người chọn “Đồng ý” (tương đương 53%), tổng số người đồng tình là 71 người (tương đương 71%).

Mục “Áp lực từ gia đình, họ hàng, người thân” với số người đồng tình là 62 người (tương đương 62%).

Biểu đồ cho thấy có rất ít số ý kiến “Hoàn toàn không đồng ý” và “Không đồng ý” cho thấy phần đông sinh viên tin rằng yếu tố xã hội có ảnh hưởng đến động lực học tập.

BIỂU ĐỒ 3: BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TẦN SỐ MỤC TIÊU TƯƠNG LAI ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘNG LỰC HỌC TẬP



Theo số liệu thu thập thì số người chọn “Hoàn toàn đồng ý” cho mục “Thu nhập đáng kỳ vọng” là nhiều nhất với 40 người (tương đương 40%), số người bình chọn “Đồng ý” là 37 người (tương đương 37%), như vậy tổng số ý kiến đồng tình là 77%. Thu nhập là phần thưởng xứng đáng cho quá trình cố gắng của một người, hiển nhiên cũng trở thành động lực học tập của sinh viên.

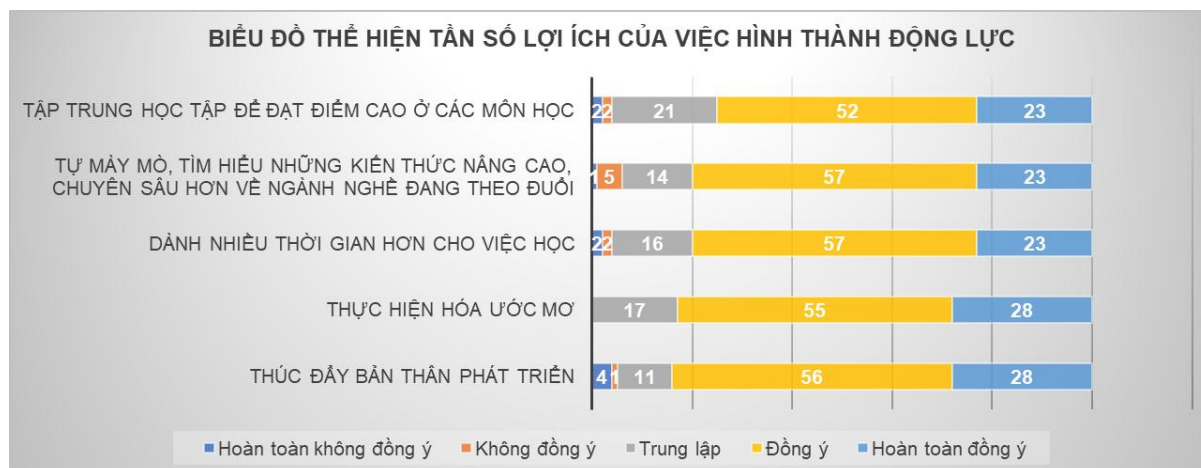
Đứng thứ hai là “Đạt được những thành tích đáng ngưỡng mộ trong công việc” với số người bình chọn “Hoàn toàn đồng ý” là 39 người (tương đương 39%), với “Đồng ý” là 42 người (tương đương 42%), tổng số ý kiến đồng tình là 81%.

Có thể kể đến “Được làm công việc mơ ước” với số ý kiến đồng tình là 77 người (tương đương 77%).

Mục “Trở thành nguồn cảm hứng cho người khác và giúp ích cho xã hội” và “Có cơ hội làm việc tại công ty đa quốc gia” lần lượt với số người đồng tình là 70 người (tương đương 70%), 67 người (tương đương 67%).

Số ý kiến “Hoàn toàn không đồng ý” và “Không đồng ý” là rất ít, từ đó thấy được sinh viên vẫn lựa chọn mục tiêu tương lai có ảnh hưởng đến động lực học tập.

**BIỂU ĐỒ 4: BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TẦN SỐ LỢI ÍCH
CỦA VIỆC HÌNH THÀNH ĐỘNG LỰC**



Nhìn chung, ta thấy rằng số liệu phân bố khá đồng đều giữa từng ý kiến của “Lợi ích của việc hình thành động lực”.

“Thực hiện hóa ước mơ” và “Thúc đẩy bản thân phát triển” có số ý kiến “Hoàn toàn đồng ý” là bằng nhau và dẫn đầu với 28 người bình chọn (tương đương 28%).

Ở mục “Thực hiện hóa ước mơ” đáng ngạc nhiên là không có “Hoàn toàn không đồng ý” hay “Không đồng ý”, số người đồng tình là 83 người (tương đương 83%).

Ở mục “Thúc đẩy bản thân phát triển” có số người bình chọn “Đồng ý” là 56 người (tương đương 56%), tổng số ý kiến đồng tình là 83%.

“Tập trung học để đạt điểm cao ở các môn học”, “Tự mày mò, tìm hiểu những kiến thức nâng cao, chuyên sâu hơn về ngành nghề đang theo đuổi”, và “Dành nhiều thời gian hơn cho việc học” bằng nhau về số người bình chọn “Hoàn toàn đồng ý” là 23 người (tương đương 23%).

“Tập trung học để đạt điểm cao ở các môn học” với số người bình chọn “Đồng ý” là 52 người (tương đương 52%), tổng số ý kiến đồng tình là 75%.

Đặc biệt, “Tự mày mò, tìm hiểu những kiến thức nâng cao, chuyên sâu hơn về những ngành nghề đang theo đuổi” và “Dành nhiều thời gian hơn cho việc học” bằng nhau về số ý kiến “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý”, tổng số ý kiến đồng tình là 80%.

Số liệu cho thấy số bình chọn cho “Hoàn toàn không đồng ý” và “Không đồng ý” là rất thấp. Sinh viên tin tưởng rằng việc hình thành động lực học tập sẽ mang đến những lợi ích nhất định. Qua đó, ta nhận thấy rằng động lực học tập là một thứ rất phức tạp nhưng chúng tôi đã “gọt bỏ” sự phức tạp đó, mang đến cho bạn cái nhìn rõ hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập.

V. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THỐNG KÊ KIỂM ĐỊNH

Đối với đề tài về các yếu tố ảnh hưởng tới động lực học tập của sinh viên, vấn đề được quan tâm đó là các yếu tố đó là gì và các sinh viên cảm thấy rằng liệu các yếu tố đó tác động tới động lực học tập của chính bản thân mình không. Trong bài dự án này chúng em đã đặt ra 3 yếu tố đó là : Môi trường học tập, yếu tố xã hội và mục tiêu tương lai. Với những dữ liệu đã được thu thập qua bài khảo sát, bằng cách dùng phương pháp kiểm định trong phần mềm SPSS, chúng em sẽ thực hiện phân tích để làm rõ 3 yếu tố đó tác động tới động lực học của sinh viên và việc hình thành áp lực có lợi ích cho sinh viên không . Từ đó rút ra kết luận cho vấn đề này.

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH BẰNG PHƯƠNG PHÁP KIỂM ĐỊNH THỐNG KÊ ONE SAMPLE T-TEST TRONG SPSS

1. Để biết mức độ ảnh hưởng của các tới động lực học tập của sinh viên bằng cách khảo sát các câu hỏi:

“Đánh giá của bạn về môi trường học tập có ảnh hưởng tới động lực?”

“Yếu tố xã hội có ảnh hưởng đến bạn không?”

“Mục tiêu tương lai của bạn có phải là động lực học tập của bạn không?”

Mã hóa dữ liệu: 1 ứng với “Hoàn toàn không đồng ý”, 2 ứng với “Không đồng ý”, 3 ứng với “Bình thường”, 4 ứng với “Đồng ý”, 5 ứng với “Hoàn toàn đồng ý”.

Giả thuyết: Các sinh viên đều cảm thấy bình thường với các yếu tố về môi trường học tập, yếu tố xã hội và mục tiêu tương lai . Ta kiểm tra xem giả thuyết này có phù hợp với mức ý nghĩa 5% không

$$H_0: \mu = 3$$

$$H_a: \mu \neq 3$$

T- Test

One-Sample Statistics

	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
môi trường học tập	100	4.0400	.71237	.07124
yếu tố xã hội	100	3.8800	.75049	.07505

mức tiêu tương lai	100	4.0440	.70758	.07076
--------------------	-----	--------	--------	--------

⊕

One-Sample Test						
Test Value = 3						
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
môi trường học tập	14.599	99	.000	1.04000	.8986	1.1814
yếu tố xã hội	11.726	99	.000	.88000	.7311	1.0289
mức tiêu tương lai	14.754	99	.000	1.04400	.9036	1.1844

Trong bảng One- sample test, p- value (Sig. (2-tailed) cho kiểm định 2 phía của 3 yếu tố này đều là $0.000 < 0.05$, do đó ta bác bỏ giả thuyết H_0 là các sinh cảm thấy bình thường với các yếu tố tác động đến động lực học tập. Và với giá trị trung bình (mean) của cả 3 yếu tố đều > 3 (lần lượt là 4.04 ; 3,88 ; 4,044) ta nhận xét được rằng Hầu hết sinh viên đều đồng ý rằng các yếu tố trên có ảnh hưởng tới động lực học tập của bản thân.

2. Để biết được các sinh viên có đồng tình rằng hình thành động lực là có lợi bằng câu hỏi “Đánh giá về việc hình thành động lực là có lợi ”

Mã hóa dữ liệu: 1 ứng với “Hoàn toàn không đồng ý”, 2 ứng với “Không đồng ý”, 3 ứng với “Bình thường”, 4 ứng với “Đồng ý”, 5 ứng với “Hoàn toàn đồng ý”.

Giả thuyết: Các sinh viên đều đồng ý là việc hình thành động lực học tập là có lợi . Ta kiểm tra xem giả thuyết này có phù hợp với mức ý nghĩa 5% không

$$H_0: \mu = 4$$

$$H_a: \mu \neq 4$$

T-Test

One-Sample Statistics				
	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Động lực	100	4.0000	.63246	.06325

One-Sample Test						
Test Value = 4						
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
Động lực	.000	99	1.000	.00000	-.1255	.1255

One sample statistics giá trị trung bình(mean) là 4.00 ; độ lệch chuẩn là 0.63246

One – Sample test $t=0.000$

P- value (Sig. (2-tailed)) là $1.000 > 0.05$ nên không thể bác bỏ giả thuyết H_0

Từ đó cho ta kết luận rằng hầu hết các sinh viên đều đồng ý với ý kiến cho rằng việc hình thành động lực là có lợi.

VI. HẠN CHẾ

6.1. Đối với đề tài

Do hạn chế về thời gian nên nghiên cứu chỉ khảo sát được 100 mẫu. Nghiên cứu chỉ tập trung tại UEH vì vậy chưa có cơ sở so sánh mức độ cảm nhận giữa các sinh viên thuộc các trường khác có sự khác biệt như thế nào hay không. Cần bổ sung thêm một số nhân tố mới có thể có ảnh hưởng đến động lực học của sinh viên để tăng khả năng giải thích của mô hình.

Vì nghiên cứu không thể thực hiện hình thức khảo sát trực tiếp học sinh, sinh viên tại các địa điểm trường Cao Đẳng, Đại học trên địa bàn, mẫu khảo sát có được chủ yếu thực hiện trên mạng bằng công cụ Google form nên mức độ phản hồi chưa cao. Trường hợp đánh bừa, đánh cho có vẫn xảy ra nhiều, gây mất thời gian xử lý số liệu cho nhóm.

Ngoài ra, nhóm còn chưa đánh giá toàn diện các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên, vẫn còn chưa có nhiều kinh nghiệm trong xử lý, thống kê dữ liệu nên chắc chắn sẽ không tránh được những sai sót. Sự hạn chế về mặt kiến thức đã khiến nhóm nghiên cứu bị cản trở trong quá trình xử lý, phân tích, trình bày dữ liệu, thông tin một cách hoàn chỉnh nhất.

6.2. Đối với nhóm

Mặc dù được tham khảo một số dự án từ anh chị khóa trên, nhưng nhóm nghiên cứu vẫn còn khá ngỡ ngàng và chưa thể hoàn thiện hết những thông tin dữ liệu một cách đầy đủ

hết được. Với sự ngăn cách trước dịch bệnh cũng như vốn kiến thức và tầm hiểu biết vẫn còn hạn chế nên khó tránh khỏi sai sót khi thực hiện dự án.

VII. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nghiên cứu đã xác định các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên theo mức độ ảnh hưởng ảnh hưởng quan trọng: Môi trường học tập, các yếu tố xã hội và mục tiêu tương lai. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy động lực học tập của sinh viên không có sự khác biệt về giới tính và khóa học. Việc xác định rõ động cơ và động lực học tập của người học giúp cho cơ sở giáo dục nói chung và nhà giáo dục nói riêng có những cách thức tiếp cận phù hợp trong việc cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết cho người học, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Từ đó, một số gợi ý được đề xuất người học có động lực học tập tốt hơn.

Về môi trường học tập: Chương trình học phù hợp với nhu cầu, giáo trình thường xuyên cập nhật, đổi mới. Tạo môi trường sinh hoạt ở lớp thân thiện bằng cách đổi mới phương pháp học tập truyền thống sang phương pháp học nhóm thảo luận, thuyết trình. Giảng viên phải là người gương mẫu trong mọi hoạt động giảng dạy. Cụ thể, giảng viên cần phải có đạo đức và trình độ chuyên môn. Mỗi giảng viên trước hết cần phải tự chấn chỉnh, rèn luyện và thể hiện chuẩn mực đạo đức, gương mẫu trong công tác giảng dạy của mình. Giảng viên nên tổ chức hướng dẫn cho sinh viên tự nghiên cứu, phát hiện ra cái mới, có những cách giải quyết sáng tạo cho nhiệm vụ học tập, có những trải nghiệm tốt đẹp trong quá trình học, dần dần làm phát sinh nhu cầu của sinh viên về tri thức khoa học, nhu cầu giải quyết các vấn đề trong học tập, ứng dụng trong cuộc sống. Thêm vào đó, giảng viên cần phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực mà mình giảng dạy.

Về yếu tố xã hội: Nhà nước nên có các định hướng dài hạn trong nhu cầu về nguồn nhân lực để sinh viên biết được những ngành nghề nào đang cần lao động trên thị trường và lựa chọn để từ đó sinh viên có động cơ học tập đúng hơn. Bên cạnh đó, các cơ quan truyền thông cũng nên có những cách truyền thông một cách đúng đắn về nhu cầu của các ngành nghề, có những con số chứng minh thực sự về thị trường lao động. Các bậc phụ huynh nên khuyến khích, động viên con mình học tập, tìm hiểu, trao dồi kiến thức. Ngoài ra,

Về mục tiêu học tập: Sinh viên cần tập tính kỷ luật, biết đặt ra mục tiêu cho từng giai đoạn trong cuộc đời và theo đuổi mục tiêu của mình biết kiểm soát bản thân, đủ tự tin, bản lĩnh để giải quyết các vấn đề khó khăn, trở ngại, tham gia những lớp bồi dưỡng kỹ năng để giúp rèn luyện ý chí và được truyền động lực. Đối với bản thân, mỗi người

sinh viên nên đặt ra những mục tiêu cho mình và biết tự cố gắng trong mọi hoàn cảnh, không nản lòng, kiên trì để thực hiện mục tiêu của bản thân, quyết tâm học tập tốt.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO

T. (2021b, November 25). *Các nhân tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên*. Tạp chí Công Thương. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/cac-nhan-to-anh-huong-den-dong-co-hoc-tap-cua-sinh-vien-cac-truong-dai-hoc-dia-ban-tinh-vinh-long-85375.htm>

David R.Anderson, Dennis J.Sweeney, Thomas A.Williams (Nxb Hồng Đức, 2016). *Sách Thống kê trong Kinh tế và Kinh doanh*

Lộc P. (n.d.). *Phân tích và đọc kết quả hồi quy tuyến tính bội trong SPSS*. phamlocblog.

<https://www.phamlocblog.com/2016/11/cach-chay-hoi-quy-trong-spss.html>

VIII. PHỤ LỤC

Người tham gia: 100 sinh viên Đại học.

Câu hỏi:

Phần 1: Thông tin cá nhân:

1. Bạn đang là sinh viên trường nào?

- UEH
- Ngoài UEH

2. Giới tính của bạn là?

- Nam
- Nữ

3. Bạn đang là sinh viên năm:

- Năm 1
- Năm 2
- Năm 3
- Năm 4

Phần 2: Khảo sát yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên

Mức độ đánh giá:

1: Hoàn toàn không đồng ý

2. Đồng ý

3. Bình thường

4. Hoàn toàn không đồng ý

5: Hoàn toàn đồng ý

1. Đánh giá của bạn về việc môi trường học tập ảnh hưởng đến động lực học tập:

Mức độ đồng ý	1	2	3	4	5
Chương trình học phù hợp với nhu cầu, giáo trình thường xuyên cập nhật	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Giảng viên nhiệt tình, nhiều kinh nghiệm	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Cơ sở vật chất hiện đại, tiện nghi	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Có nhiều câu lạc bộ, đội, nhóm tạo nên môi trường năng động, sáng tạo	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Sinh viên cạnh tranh lành mạnh, giúp đỡ nhau trong học tập	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

2. Đánh giá của bạn về việc yếu tố xã hội ảnh hưởng đến động lực học tập:

Mức độ đồng ý	1	2	3	4	5
Áp lực từ gia đình, họ hàng, người thân	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Sợ bản thân thua kém người khác	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Mức độ đào thải của xã hội	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Áp lực về tài chính	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Xu hướng phát triển và sự đòi hỏi của xã hội đối với ngành nghề	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

3. Đánh giá của bạn về việc mục tiêu tương lai ảnh hưởng đến động lực học tập

Mức độ đồng ý	1	2	3	4	5
---------------	---	---	---	---	---

Thu nhập đáng kỳ vọng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Được làm công việc mơ ước	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Có cơ hội làm việc tại công ty đa quốc gia	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Đạt được những thành tích đáng ngưỡng mộ trong công việc	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Trở thành nguồn cảm hứng cho người khác và giúp ích cho xã hội	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

4. Bạn đánh giá như thế nào với các phát biểu sau đối với lợi ích của việc hình thành động lực:

<i>Mức độ đồng ý</i>	1	2	3	4	5
Thúc đẩy bản thân phát triển	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Thực hiện hóa ước mơ	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Dành nhiều thời gian hơn cho việc học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Tự mày mò, tìm hiểu những kiến thức nâng cao, chuyên sâu hơn về ngành nghề đang theo đuổi	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Tập trung học tập để đạt điểm cao ở các môn học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Các bảng dữ liệu:

Statistics

		môi trường học tập	yếu tố xã hội	mục tiêu tương lai	Động lực
N	Valid	100	100	100	100
	Missing	0	0	0	0
Mean		4.0400	3.8800	4.0440	4.0000
Median		4.0000	4.0000	4.0000	4.0000

Mode	4.00	4.00	5.00	4.00
Std. Deviation	.71237	.75049	.70758	.63246
Range	3.40	3.80	2.80	2.80
Minimum	1.60	1.20	2.20	2.20
Maximum	5.00	5.00	5.00	5.00

Frequency Table**moi truong hoc tap**

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1.60	1	1.0	1.0	1.0
	1.80	1	1.0	1.0	2.0
	2.20	1	1.0	1.0	3.0
	2.60	3	3.0	3.0	6.0
	3.00	4	4.0	4.0	10.0
	3.20	4	4.0	4.0	14.0
	3.40	4	4.0	4.0	18.0
	3.60	5	5.0	5.0	23.0
	3.80	12	12.0	12.0	35.0
	4.00	18	18.0	18.0	53.0
	4.20	7	7.0	7.0	60.0
	4.40	14	14.0	14.0	74.0
	4.60	10	10.0	10.0	84.0
	4.80	2	2.0	2.0	86.0
	5.00	14	14.0	14.0	100.0
	Total	100	100.0	100.0	

yeu to xa hoi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1.20	1	1.0	1.0	1.0
	2.00	3	3.0	3.0	4.0
	2.40	1	1.0	1.0	5.0
	2.80	3	3.0	3.0	8.0
	3.00	9	9.0	9.0	17.0
	3.20	1	1.0	1.0	18.0
	3.40	8	8.0	8.0	26.0
	3.60	8	8.0	8.0	34.0
	3.80	9	9.0	9.0	43.0
	4.00	21	21.0	21.0	64.0
	4.20	10	10.0	10.0	74.0
	4.40	3	3.0	3.0	77.0
	4.60	9	9.0	9.0	86.0
	4.80	5	5.0	5.0	91.0
	5.00	9	9.0	9.0	100.0
	Total	100	100.0	100.0	

muc tieu tuong lai

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2.20	1	1.0	1.0	1.0
	2.40	3	3.0	3.0	4.0

THỐNG KÊ TRONG KINH TẾ VÀ KINH DOANH

	2.60	1	1.0	1.0	5.0
	2.80	1	1.0	1.0	6.0
	3.00	7	7.0	7.0	13.0
	3.20	2	2.0	2.0	15.0
	3.40	4	4.0	4.0	19.0
	3.60	10	10.0	10.0	29.0
	3.80	9	9.0	9.0	38.0
	4.00	15	15.0	15.0	53.0
	4.20	6	6.0	6.0	59.0
	4.40	13	13.0	13.0	72.0
	4.60	8	8.0	8.0	80.0
	4.80	4	4.0	4.0	84.0
	5.00	16	16.0	16.0	100.0
	Total	100	100.0	100.0	

dong luc					
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	2.20	2	2.0	2.0	2.0
	2.60	3	3.0	3.0	5.0
	2.80	1	1.0	1.0	6.0
	3.00	5	5.0	5.0	11.0
	3.20	1	1.0	1.0	12.0
	3.40	3	3.0	3.0	15.0

3.60	8	8.0	8.0	23.0
3.80	12	12.0	12.0	35.0
4.00	31	31.0	31.0	66.0
4.20	4	4.0	4.0	70.0
4.40	9	9.0	9.0	79.0
4.60	6	6.0	6.0	85.0
4.80	4	4.0	4.0	89.0
5.00	11	11.0	11.0	100.0
Total	100	100.0	100.0	

Model Summary^b

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.774 ^a	.599	.587	.40660	2.651

a. Predictors: (Constant), mục tiêu tương lai, yếu tố xã hội, môi trường học tập

b. Dependent Variable: Động lực

ANOVA^a

Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1 Regression	23.729	3	7.910	47.845	.000 ^b
Residual	15.871	96	.165		

Total	39.600	99			
-------	--------	----	--	--	--

a. Dependent Variable: Động lực

b. Predictors: (Constant), mục tiêu tương lai, yếu tố xã hội, môi trường học tập

Coefficients^a

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	.942	.265		3.555	.001		
môi trường học tập	.214	.079	.241	2.701	.008	.524	1.909
yếu tố xã hội	.063	.072	.075	.872	.385	.568	1.761
mục tiêu tương lai	.482	.086	.539	5.629	.000	.455	2.197

a. Dependent Variable: Động lực

Collinearity Diagnostics^a

Model	Dimension	Eigenvalue	Condition Index	Variance Proportions			
				(Constant)	môi trường học tập	yếu tố xã hội	mục tiêu tương lai
1	1	3.958	1.000	.00	.00	.00	.00

2	.018	14.65 7	.82	.00	.35	.03
3	.014	16.59 4	.17	.47	.54	.08
4	.009	20.51 0	.00	.53	.11	.89

a. Dependent Variable: Động lực

Residuals Statistics^a

	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	N
Predicted Value	2.5669	4.7368	4.000 0	.48958	100
Residual	- 1.50626	1.0275 3	.0000 0	.40039	100
Std. Predicted Value	-2.927	1.505	.000	1.000	100
Std. Residual	-3.705	2.527	.000	.985	100

a. Dependent Variable: Động lực